

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN DU HỌC VÀ THƯƠNG MẠI MPK**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN DU HỌC VÀ THƯƠNG MẠI MPK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MPK CONSULTANT., JSC

Tên công ty viết tắt: MPK TRADING AND STUDY ABROAD CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108878897

**3. Ngày thành lập:** 27/08/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số B3C8 đường Nguyễn Cảnh Di, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0916028668

Fax:

Email: [huongkhue90@gmail.com](mailto:huongkhue90@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn giáo dục;<br>- Dịch vụ tư vấn du học.           | 8560(Chính) |
| 2.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay | 5229        |
| 3.  | Giáo dục nhà trẻ                                                                                 | 8511        |
| 4.  | Giáo dục mẫu giáo                                                                                | 8512        |
| 5.  | Giáo dục tiểu học                                                                                | 8521        |
| 6.  | Giáo dục trung học cơ sở                                                                         | 8522        |
| 7.  | Giáo dục trung học phổ thông                                                                     | 8523        |
| 8.  | Đào tạo trung cấp                                                                                | 8532        |
| 9.  | Đào tạo cao đẳng                                                                                 | 8533        |
| 10. | Đào tạo đại học                                                                                  | 8541        |
| 11. | Đào tạo thạc sỹ                                                                                  | 8542        |
| 12. | Đào tạo tiến sỹ                                                                                  | 8543        |
| 13. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                    | 8551        |
| 14. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                      | 8552        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- Dạy máy tính. | 8559 |
| 16. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động phiên dịch                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7490 |
| 17. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7911 |
| 18. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7912 |
| 19. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7990 |
| 20. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(không bao gồm tư vấn tài chính, tư vấn pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7020 |
| 21. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6619 |
| 22. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8230 |
| 23. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8531 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức         | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN TRUNG KIÊN | Số 15/150 đường Mạc Thị Bưởi, Phường Thống Nhất, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 57.000     | 570.000.000           | 30,000    | 0360870083<br>26                                                                            |         |
|     |                 |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                              | Tổng số                   | 57.000     | 570.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                              |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN NGỌC PHI | Thôn Nam Đường Đông, Xã Nam Cao, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông         | 57.000     | 570.000.000           | 30,000    | 0340920067<br>03                                                                            |         |
|     |                 |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                              | Tổng số                   | 57.000     | 570.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                              |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                   |                                                                    |                           |        |             |        |              |
|---|-------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | BÙI THỊ THU HƯƠNG | Tổ 10, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 76.000 | 760.000.000 | 40,000 | 036190007499 |
|   |                   |                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                    | Tổng số                   | 76.000 | 760.000.000 | 40,000 |              |
|   |                   |                                                                    |                           |        |             |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI THỊ THU HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/11/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036190007499

Ngày cấp: 30/05/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 10, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 9 ngách 77 ngõ 649 đường Lĩnh Nam, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội